

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Hà Nội, tháng 06 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch
Bà Đào Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông Đỗ Hải Đăng	Thành viên

Giám đốc

Bà Đào Thị Kim Oanh	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 17/09/2019)
Ông Đỗ Thanh Hải	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17/09/2019)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT (Đại diện pháp luật đến ngày 17/09/2019)
Bà Đào Thị Kim Oanh	Giám đốc (Đại diện pháp luật từ ngày 17/09/2019)

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính trong năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Theo ý kiến của Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Đào Thị Kim Oanh
Giám đốc

Hà Nội ngày 16 tháng 06 năm 2020



Số: 328 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Picomat

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 16 tháng 06 năm 2020, từ trang 05 đến trang 30 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 1- Thông tin khái quát (đoạn về Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính) và Thuyết minh số 24 - Giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Trong đó, đề cập đến vấn đề Công ty đang trong lộ trình thực hiện tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động sản xuất, phân phối sản phẩm, và chuyển đổi mô hình Công ty mẹ chuyên hoạt động thương mại - phân phối sản phẩm, Công ty con chuyên sản xuất; Do đó, giao dịch nhập mua hàng hóa trong năm của Công ty chủ yếu là thành phẩm của Công ty con (giao dịch với bên liên quan) với tổng giá trị là 81.769.144.451 VND (chiếm 99,69% tổng giá trị hàng hóa mua trong năm của Công ty). Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đưa ra ý kiến ngoại trừ tính hiện hữu của khoản mục tiền mặt và hàng tồn kho do Kiểm toán viên được bổ nhiệm sau ngày kết thúc niên độ kế toán, nên không thực hiện được thủ tục kiểm toán: tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho của Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Vấn đề này đã được Kiểm toán viên xem xét, đánh giá, và không còn ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2019 của Công ty.



Chữ Mạnh Hoan
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2020

Bùi Thị Phương
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 2369-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.141.106.400	73.254.954.541
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.596.576.399	4.479.246.331
1. Tiền	111	4	8.596.576.399	4.479.246.331
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.884.256.987	21.011.131.463
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	8.681.775.977	13.948.949.358
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		202.481.010	7.062.182.105
III. Hàng tồn kho	140	6	24.230.321.458	43.520.553.241
1. Hàng tồn kho	141		24.230.321.458	43.520.553.241
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		429.951.556	4.244.023.506
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	65.627.875	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		364.323.681	4.244.023.506
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		133.500.733.263	10.787.592.339
I. Tài sản cố định	220		24.707.415.370	9.777.924.614
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	2.017.360.160	9.777.924.614
- Nguyên giá	222		2.932.944.078	12.918.976.564
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(915.583.918)	(3.141.051.950)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	22.690.055.210	-
- Nguyên giá	228		22.690.055.210	-
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		496.971.610	496.971.610
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		496.971.610	496.971.610
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250	9	98.800.000.000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		98.800.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		9.496.346.283	512.696.115
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	9.496.346.283	512.696.115
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		175.641.839.663	84.042.546.880



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		27.138.694.906	53.213.488.885
I. Nợ ngắn hạn	310		27.138.694.906	34.638.488.885
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	2.998.221.603	903.702.860
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	2.496.571.348	970.889.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.404.846.582	261.991.693
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.341.672	17.595.854
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		125.366.246	993.572.664
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	20.103.247.455	31.490.736.103
II. Nợ dài hạn	330		-	18.575.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	14	-	18.575.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		148.503.144.757	30.829.057.995
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	148.503.144.757	30.829.057.995
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		141.670.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		141.670.000.000	30.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		6.833.144.757	829.057.995
- LNST lũy kế đến cuối năm trước	421a		648.583.439	(246.652.245)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		6.184.561.318	1.075.710.240
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		175.641.839.663	84.042.546.880



Đào Thị Kim Oanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2020

Trần Thị Vui
Kế toán trưởng

Vũ Thị Kiều Vân
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	115.018.059.644	55.255.205.189
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		115.018.059.644	55.255.205.189
3. Giá vốn hàng bán	11	17	101.741.587.679	50.068.802.274
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		13.276.471.965	5.186.402.915
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21		3.116.416	1.189.849
6. Chi phí tài chính	22	18	1.323.219.791	1.339.739.060
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.323.219.791	1.324.758.076
7. Chi phí bán hàng	25	19	2.561.353.833	1.029.864.602
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	1.650.497.530	1.605.130.383
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		7.744.517.227	1.212.858.719
10. Thu nhập khác	31		120.698.133	564.085.385
11. Chi phí khác	32		121.843.154	421.415.915
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.145.021)	142.669.470
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		7.743.372.206	1.355.528.189
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	1.558.810.888	279.817.949
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		6.184.561.318	1.075.710.240
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	13.621	11.060



Đào Thị Kim Oanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2020

Trần Thị Vui
Kế toán trưởng

Vũ Thị Kiều Vân
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7.743.372.206	1.355.528.189
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	657.272.514	1.126.028.041
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(41.749.307)	(144.085.105)
- Chi phí lãi vay	06	1.323.219.791	1.324.758.076
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.682.115.204	3.662.229.201
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	23.959.844.301	(19.470.262.728)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10	19.290.231.783	(1.309.213.466)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	2.762.335.634	(10.301.111.756)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(49.278.043)	(406.050.909)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.340.815.645)	(1.307.162.222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(596.430.555)	(39.459.372)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	53.708.002.679	(29.171.031.252)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(831.400.379)	(1.057.250.498)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	564.078.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(98.800.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.116.416	1.189.849
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(99.628.283.963)	(491.982.649)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	80.000.000.000	29.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	48.234.617.765	57.241.047.413
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(78.197.006.413)	(54.203.379.930)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	50.037.611.352	32.037.667.483
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	4.117.330.068	2.374.653.582
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.479.246.331	2.104.592.749
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	8.596.576.399	4.479.246.331



Đào Thị Kim Oanh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2020

Trần Thị Vui
Kế toán trưởng

Vũ Thị Kiều Vân
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0104518043 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/03/2010 với tên gọi là Công ty TNHH Wecan, thay đổi bổ sung lần 4 ngày 04/12/2014 chuyển đổi tên Công ty từ Công ty TNHH Wecan sang Công ty TNHH Nghiên cứu và Phát triển vật liệu Promat, thay đổi bổ sung lần 6 ngày 12/10/2018 chuyển đổi Công ty từ Công ty TNHH Nghiên cứu và Phát triển vật liệu Promat thành Công ty Cổ phần Nhựa Picomat, thay đổi bổ sung lần thứ 08 ngày 02/01/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, nội dung thay đổi do tăng vốn điều lệ Công ty lên 141,670 tỷ đồng.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất là: 141.670.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2019 là 16 người (tại ngày 31/12/2018 là 22 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ;
- Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu, chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, sản xuất sản phẩm từ plastics; Bán buôn, bán lẻ đồ gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đồ dùng gia đình khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-ĐHĐCD ngày 31/12/2018 đã thông qua việc chuyển giao sản xuất của Công ty cho Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng và thông qua chủ trương việc đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng.

Trong năm, Công ty đã và đang tiếp tục hoạt động tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động kinh doanh, chuyển đổi mô hình hoạt động tập trung vào kinh doanh thương mại, chuyển hoạt động sản xuất sang Công ty con, đồng thời với việc tái cấu trúc vốn; theo đó, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 30.000.000.000 VND lên 61.670.000.000 VND tại tháng 9 năm 2019, và tăng lên 141.670.000.000 VND tại tháng 12 năm 2019, theo đó, Doanh thu năm 2019 là 115.018.059.644 VND, tăng 59.762.854.455 VND so với năm 2018 (tỷ lệ doanh thu tăng thêm năm 2019 so với năm 2018 là 108.16%).

Theo Công văn số 3001/HDCV-2019 gửi Chi cục Thuế huyện Thạch Thất, Công ty đã chuyển đổi chế độ kế toán áp dụng, từ áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 08 năm 2016 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ, sang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ kế toán. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính năm trước đã được trình bày lại theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Cấu trúc doanh nghiệp***Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Nhựa Picomat	Số 413 Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q. Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại Thành phố Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Nhựa Picomat	Số 374 Tôn Đức Thắng, P. Hòa Minh, Q. Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Công ty con:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp và lợi ích của Công ty	Hoạt động Chính
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Hà Nội	95%	95%	Sản xuất và kinh doanh ván nhựa, tấm nhựa và các sản phẩm khác về nhựa.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu Báo cáo tài chính năm 2018 là số liệu Báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Riêng số liệu Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2019 và số liệu Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước đã được trình bày lại theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỤC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính và các khoản vay.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Theo quy định tại Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; Theo đó, Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Công cụ tài chính (trừ khoản đầu tư dài hạn khác, đầu tư công ty con) được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)****Các khoản đầu tư vào công ty con (Tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho với hoạt động sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với hoạt động thương mại: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	(Số năm sử dụng)
Phương tiện vận tải	7 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10
Tài sản cố định khác	8 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí công cụ, dụng cụ: Là công cụ, dụng cụ xuất dùng cho sản xuất, quản lý và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

Chi phí khác chờ phân bổ: Là chi phí bảo hiểm, chi phí cài tạo, sửa chữa,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

Quyền sử dụng mặt bằng: Là quyền sử dụng sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, số 10 Đại lộ Thăng Long, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

10/10
G
H
T
C

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan trong năm của Công ty bao gồm:

- Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng;
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý Tài sản PCLAND;
- Các thành viên Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty;
- Ông Đỗ Mạnh Tú, Bà Nguyễn Thị Thi.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.725.636.430	824.552.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.870.939.969	3.654.694.331
Cộng	8.596.576.399	4.479.246.331

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>8.681.775.977</i>	<i>13.948.949.358</i>
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	6.623.500.590	107.114.000
Công ty Cổ phần Thương mại xuất nhập khẩu Huỳnh Đố	659.003.190	10.791.949.850
Công ty TNHH Vật tư Dịu Hiến	547.422.857	2.778.552.540
Các đối tượng khác	851.849.340	271.332.968
<i>Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>6.623.500.590</i>	<i>107.114.000</i>
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	6.623.500.590	107.114.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	31.297.370.111	-
Công cụ, dụng cụ	46.562.727	-	64.001.817	-
Thành phẩm	1.451.923.099	-	11.536.292.571	-
Hàng hóa	6.804.244.209	-	622.888.742	-
Hàng gửi bán	15.927.591.423	-	-	-
Cộng	24.230.321.458	-	43.520.553.241	-

7. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày đầu năm	1.081.135.815	9.716.241.840	1.611.425.818	510.173.091	-	12.918.976.564
- Mua trong năm	-	-	-	81.909.091	729.436.078	811.345.169
- Thanh lý, nhượng bán	(1.081.135.815)	(9.716.241.840)	-	-	-	(10.797.377.655)
Tại ngày cuối năm	-	-	1.611.425.818	592.082.182	729.436.078	2.932.944.078
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày đầu năm	177.727.504	2.366.599.897	576.682.626	20.041.923	-	3.141.051.950
- Khấu hao trong năm	32.035.575	306.377.570	218.549.964	54.858.255	45.451.150	657.272.514
- Thanh lý, nhượng bán	(209.763.079)	(2.672.977.467)	-	-	-	(2.882.740.546)
Tại ngày cuối năm	-	-	795.232.590	74.900.178	45.451.150	915.583.918
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	903.408.311	7.349.641.943	1.034.743.192	490.131.168	-	9.777.924.614
Tại ngày cuối năm	-	-	816.193.228	517.182.004	683.984.928	2.017.360.160

8. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu năm	-	-
- Tăng do nhận góp vốn cổ phần	22.690.055.210	22.690.055.210
Tại ngày cuối năm	22.690.055.210	22.690.055.210
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	-	-
Tại ngày cuối năm	22.690.055.210	22.690.055.210

Quyền sử dụng đất là lô đất tại Khu Đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh của cá nhân Ông Đỗ Thanh Hải và Bà Nguyễn Thu Hằng dùng để thanh toán bù trừ với giá trị vốn góp vào Công ty như Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính - Vốn chủ sở hữu. Quyền sử dụng này là lâu dài nên không tính khấu hao.

Quyền sử dụng đất này đang dùng để cầm cố thế chấp các khoản vay tại ngày 31/12/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICONAT

Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thát, TP. Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý (i) VND
Đầu tư tài chính dài hạn				
- Đầu tư vào công ty con	98.800.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng (H)	98.800.000.000	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này chưa xác định được do chưa đủ các thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý.
- (ii) Trong năm, Công ty đã thực hiện mua cổ phần của Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng theo Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2019/BB-DHĐCĐ ngày 13/12/2019, theo đó, Công ty đã nhận chuyển nhượng thành công 7,6 triệu cổ phần Vật liệu Hải Đăng của 3 cá nhân là Ông Đặng Thanh Chung, Bà Nguyễn Thị Thu Hà và Bà Nguyễn Thị Khánh Huyền.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào công ty con:

Tên Công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp và lợi ích của Công ty
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Hà Nội	95%	95%

Tóm tắt tình hình hoạt động các công ty con:

Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng tiền thân là Công ty TNHH Đa ngành Hải Đăng được thành lập và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500478475 cấp lần đầu ngày 4/08/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được thay đổi lần 5 ngày 31/10/2019. Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và kinh doanh ván nhựa, tấm nhựa và các sản phẩm khác về nhựa. Trong năm 2019, Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng có lợi nhuận sau thuế là 3.512.038.824 VND. Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2019 là 81.350.331.958 VND (Vốn góp của chủ sở hữu là 80.000.000.000 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMATThôn Cầu Liều, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội,
Việt Nam**MẪU SỐ B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	65.627.875	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	65.627.875	-
Chi phí trả trước dài hạn	9.496.346.283	512.696.115
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	320.842.258	221.422.803
Quyền sử dụng mặt bằng (i)	8.918.982.690	-
Chi phí khác	256.521.335	291.273.312

Ghi chú:

- (i) Quyền sử dụng mặt bằng là quyền sử dụng diện tích sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, Khu dự án Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội - là tài sản Ông Đỗ Mạnh Tú dùng để thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua tại Công ty với thời hạn sử dụng mặt bằng còn lại là 40 năm (chi tiết tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn	2.998.221.603	2.998.221.603	903.702.860	903.702.860
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	2.861.520.694	2.861.520.694	-	-
Các đối tượng khác	136.700.909	136.700.909	903.702.860	903.702.860
Trong đó Phải trả người bán là các bên liên quan	2.861.520.694	2.861.520.694	-	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	2.861.520.694	2.861.520.694	-	-

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.496.571.348	970.889.711
Hoàng Văn Hòa	625.081.600	-
Cửa hàng Tuyệt Dương	621.306.400	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn giáo dục Egroup	-	341.309.535
Công ty TNHH SX Thương mại và Dịch vụ Đồng Hàn	-	296.483.649
Các đối tượng khác	1.250.183.348	333.096.527

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	122.695	122.695	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	69.450	69.450	-
Thuế TNDN (i)	261.991.693	1.739.285.444	596.430.555	1.404.846.582
Các loại thuế khác	-	56.682.235	56.682.235	-
Cộng	261.991.693	1.796.159.824	653.304.935	1.404.846.582

Ghi chú:

- (i) Thuế TNDN bao gồm: Thuế TNDN hiện hành trong năm với số tiền là 1.558.810.888 VND và Thuế TNDN truy thu theo Quyết định số 2609/QĐ-CC1 ngày 26/8/2019 của Chi cục Thuế Thạch Thất với số tiền là 180.171.556 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội, Việt Nam

MÃ SỐ B 09 - DNBan hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	18.903.347.455	18.903.347.455	60.822.006.413	48.234.617.765	31.490.736.103	31.490.736.103
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	18.903.347.455	18.903.347.455	44.684.106.413	48.234.617.765	15.352.836.103	15.352.836.103
Nguyễn Thị Thị	-	-	16.137.900.000	-	16.137.900.000	16.137.900.000
Vay dài hạn đến hạn trả	1.200.000.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	1.200.000.000	1.200.000.000	-	1.200.000.000	-	-
Vay dài hạn	-	-	18.575.000.000	-	18.575.000.000	18.575.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	-	-	1.775.000.000	-	1.775.000.000	1.775.000.000
Nguyễn Thị Thị	-	-	16.800.000.000	-	16.800.000.000	16.800.000.000

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/3838347/HĐTD ngày 31/07/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thất với Công ty. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 VND. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, phát hành L/C. Thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn vay và lãi suất cho vay được quy định trong từ 2 hợp đồng tín dụng cụ thể. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất của Công ty với thửa đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND Thành phố Hà Long cấp ngày 09/05/2018.
- (ii) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2015/3838347 ngày 04/11/2015 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thạch Thất với Công ty. Mục đích vay là đầu tư dây chuyền sản xuất tấm nhôm Picomat. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút khoản vay đầu tiên. Thời hạn rút vốn là 2 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay trong hạn là 8,5%/năm (được điều chỉnh 12 tháng đầu kể từ thời điểm giải ngân lần đầu), các kì sau áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau do BIDV công bố (+) phi 4%/năm. Lãi suất được điều chỉnh vào đầu mỗi quý. Lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lãi suất được trả định kỳ và ngày 25 hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam được hoàn trả theo lịch biểu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>
	VND
Trong vòng một năm	1.200.000.000
Cộng	1.200.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (Được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	1.200.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.200.000.000

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>LNST chưa phân phối và các quỹ</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày đầu năm trước	1.000.000.000	(246.652.245)	753.347.755
Tăng vốn trong năm	29.000.000.000	-	29.000.000.000
Lãi trong năm	-	1.075.710.240	1.075.710.240
Số dư tại ngày đầu năm	30.000.000.000	829.057.995	30.829.057.995
Tăng vốn trong năm (i)	111.670.000.000	-	111.670.000.000
Lãi trong năm	-	6.184.561.318	6.184.561.318
Giảm khác	-	(180.474.556)	(180.474.556)
Số dư tại ngày cuối năm	141.670.000.000	6.833.144.757	148.503.144.757

Ghi chú:

(i) Thông tin về cơ sở tăng vốn:

Giai đoạn 1: Tăng vốn từ 30 tỷ đồng lên 61,670 tỷ đồng

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 02/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2019 về việc thông qua phương án phát hành thêm cổ phần và chào bán cổ phần. Công ty đã thực hiện chào bán 3.167.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông tại Công ty. Thời gian chào bán từ ngày 11/04/2019 đến ngày 26/04/2019, tổng khối lượng vốn huy động dự kiến: 31.670.000.000 VND, hình thức thanh toán: bằng tiền VND hoặc bằng các tài sản khác được pháp luật công nhận.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 03/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/08/2019 đã thông qua số vốn huy động từ đợt phát hành như sau:

- + Thông qua giá trị tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CK 738754 ngày 09/05/2018 (số vào sổ cấp GCN: CH21/09) của ông Đỗ Thanh Hải và bà Nguyễn Thu Hằng (vợ của ông Đỗ Thanh Hải) với tổng diện tích 463,4 m² đất tại ô số 1, lô A8, khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - tài sản dùng để thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua của ông Đỗ Thanh Hải và bà Nguyễn Thu Hằng tại Công ty, tổng giá trị tài sản được định giá là 22.670.000.000 VND theo Chứng thư thẩm định giá số 0404.02/2019/CT-DAVIHN do Chi nhánh Công ty TNHH Thẩm định giá Đại Việt phát hành ngày 06/05/2019 với thời hạn góp vốn theo luật định là 50 năm (Trong đó, giá trị tài sản dùng để thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua của ông Đỗ Thanh Hải là 1.133.500 cổ phần, tương ứng 11.335.000.000 VND và của bà Nguyễn Thu Hằng với số cổ phần đã đăng ký mua là 1.133.500 cổ phần, tương ứng 11.335.000.000 VND).

Theo Văn bản thỏa thuận ngày 10 tháng 06 năm 2020, sau khi kết thúc thời hạn góp vốn, ông Đỗ Thanh Hải và bà Nguyễn Thu Hằng tiếp tục góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Ghi chú (Tiếp theo):

- + Thông qua giá trị tài sản là quyền sử dụng mặt bằng của ông Đỗ Mạnh Tú, với diện tích mặt bằng 107,83 m² tại tầng 1, tòa nhà CT3B, khu dự án Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội (theo hợp đồng thuê mặt bằng ngày 29/01/2016 ký giữa Bên cho thuê là Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai và Bên đi thuê là Ông Đỗ Mạnh Tú, được xác nhận bởi chủ đầu tư - Bên cho thuê ban đầu - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 68) dùng để thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua của ông Đỗ Mạnh Tú tại Công ty. Tổng giá trị quyền sử dụng mặt bằng được định giá là 9.004.726.000 VND theo Chứng thư thẩm định số 0404.01/2019/CT-DAVIHN ngày 06/05/2019 (trong đó quyền sử dụng sàn thương mại là 7.724.726.000 VND và chi phí cải tạo, sửa chữa 1.280.000.000 VND). Tổng giá trị tài sản dùng để thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua của ông Đỗ Mạnh Tú là 900.000 cổ phần, tương ứng 9.000.000.000 VND.

Theo thông báo ngày 25/07/2019, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển nhà Hà nội số 68 về việc xác nhận việc ông Đỗ Mạnh Tú dùng toàn bộ quyền sử dụng mặt bằng tại Tầng 1, tòa nhà CT3B, khu dự án Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội để góp vốn vào Công ty Cổ phần Nhựa Picomat.

Giai đoạn 2: Tăng vốn từ 61.670 tỷ đồng lên 141.670 tỷ đồng

Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2019/BB-ĐHĐCĐ và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/12/2019 về việc thông qua phương án phát hành thêm cổ phần để tăng vốn điều lệ, theo đó Công ty thực hiện chào bán 8.000.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông tại Công ty, thời gian chào bán từ 13/12/2019 đến ngày 28/12/2019; tổng vốn huy động dự kiến: 80.000.000.000 VND; hình thức thanh toán: bằng tiền VND; mục đích tăng vốn: mua 7,6 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng, với giá 13.000 VND/cổ phần (theo chứng thư định giá số C1119064/ASIHN-TC do Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh ngày 12/12/2019); tổng giá trị mua là 98,8 tỷ VND. Số tiền 18,8 tỷ VND còn thiếu sẽ lấy từ nguồn vốn khác của Công ty.

Tại ngày 19/12/2019, Công ty đã chào bán thành công 8.000.000 cổ phần tương ứng với 80.000.000.000 VND cho các cổ đông hiện hữu.

Như vậy, kết thúc hai đợt tăng vốn, số vốn Công ty được góp như sau:

Đơn vị: VND

STT	Hình thức thanh toán vốn cổ phần đăng ký mua	Giá trị Vốn góp
1	Bằng Quyền sử dụng đất của cá nhân	22.670.000.000
2	Bằng quyền sử dụng mặt bằng	9.000.000.000
3	Bằng tiền chuyển khoản liên ngân hàng	80.000.000.000
	Cộng	111.670.000.000

Sử dụng vốn trong năm:

STT	Sử dụng vốn	Số tiền
1	Tăng bổ sung Tài sản cố định vô hình - Thẻ chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	22.670.000.000
2	Sử dụng làm trụ sở và trưng bày sản phẩm tại số 10 Đại Lộ Thăng Long, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội.	9.000.000.000
3	Mua cổ phần - Đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	80.000.000.000
	Cộng	111.670.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 08 ngày 02/01/2020, vốn điều lệ của Công ty là 141.670.000.000 VND (tại ngày 31/12/2018 là 30.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn góp VND	Tỷ lệ %	Vốn góp VND	Tỷ lệ VND
Đỗ Thanh Hải	102.435.000.000	72,31%	20.000.000.000	66,66%
Đỗ Hải Đăng	16.000.000.000	11,29%	9.500.000.000	31,67%
Đào Thị Kim Oanh	2.840.000.000	2,00%	500.000.000	1,67%
Đỗ Mạnh Tú	9.030.000.000	6,38%	-	-
Nguyễn Thu Hằng	11.365.000.000	8,02%	-	-
Tổng cộng	141.670.000.000	100%	30.000.000.000	100%

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	115.018.059.644	54.261.509.213
Doanh thu dịch vụ	-	993.695.976
Cộng	115.018.059.644	55.255.205.189
<i>Trong đó doanh thu với bên liên quan (Chi tiết tại TM số 24)</i>	<i>19.261.660.178</i>	<i>14.433.464.450</i>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán	101.741.587.679	49.224.027.728
Giá vốn dịch vụ	-	844.774.546
Cộng	101.741.587.679	50.068.802.274

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	1.323.219.791	1.324.758.076
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	14.980.984
Cộng	1.323.219.791	1.339.739.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	1.008.924.315	350.782.307
Chi phí đồ dùng văn phòng	81.932.554	124.369.669
Chi phí khấu hao TSCĐ	228.197.534	34.333.303
Chi phí bằng tiền khác	786.156.604	58.863.751
Chi phí dịch vụ mua ngoài	456.142.826	461.515.572
Cộng	<u>2.561.353.833</u>	<u>1.029.864.602</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	625.097.438	575.965.387
Chi phí đồ dùng văn phòng	98.345.827	11.253.516
Chi phí khấu hao TSCĐ	90.742.651	224.471.986
Chi phí bằng tiền khác	631.923.855	660.815.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	204.387.759	132.624.275
Cộng	<u>1.650.497.530</u>	<u>1.605.130.383</u>

20. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.931.838.438	48.370.043.227
Chi phí nhân công	1.869.398.884	1.865.484.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	657.272.514	1.126.028.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	970.084.657	2.618.871.158
Chi phí khác bằng tiền	1.638.536.090	32.583.483
Cộng	<u>16.067.130.583</u>	<u>54.013.010.725</u>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.743.372.206	1.355.528.189
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	50.682.235	43.561.557
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	50.682.235	43.561.557
Thu nhập chịu thuế	7.794.054.441	1.399.089.746
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.558.810.888</u>	<u>279.817.949</u>

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.184.561.318	1.075.710.240
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	454.041	97.259
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.621	11.060
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phân vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Tại ngày 31/12/2019, hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty là:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	20.103.347.455	50.065.736.103
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	8.596.576.399	4.479.246.331
Nợ thuần	11.506.771.056	45.586.489.772
Vốn chủ sở hữu	148.503.144.757	30.829.057.995
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,08	1,48

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.596.576.399	4.479.246.331
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.681.775.977	13.948.949.358
	17.278.352.376	18.428.195.689
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	20.103.347.455	50.065.736.103
Phải trả người bán và phải trả khác	3.123.587.849	1.897.275.524
Chi phí phải trả	10.341.672	17.595.854
Cộng	23.237.276.976	51.980.607.481

Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Tại ngày cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.596.576.399	-	8.596.576.399
Phải thu khách hàng và phải thu khác	8.681.775.977	-	8.681.775.977
Tổng cộng	17.278.352.376	-	17.278.352.376
Tại ngày cuối năm			
Các khoản vay	20.103.347.455	-	20.103.347.455
Phải trả người bán và phải trả khác	3.123.587.849	-	3.123.587.849
Chi phí phải trả	10.341.672	-	10.341.672
Tổng cộng	23.237.276.976	-	23.237.276.976
Chênh lệch thanh khoản thuần	(5.958.924.600)	-	(5.958.924.600)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Tại ngày đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.479.246.331	-	4.479.246.331
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.948.949.358	-	13.948.949.358
Tổng cộng	18.428.195.689	-	18.428.195.689
Tại ngày đầu năm			
Các khoản vay	31.490.736.103	18.575.000.000	50.065.736.103
Phải trả người bán và phải trả khác	1.897.275.524	-	1.897.275.524
Chi phí phải trả	17.595.854	-	17.595.854
Tổng cộng	33.405.607.481	18.575.000.000	51.980.607.481
Chênh lệch thanh khoản thuần	(14.977.411.792)	(18.575.000.000)	(33.552.411.792)

Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Đối với các giao dịch mua - bán hàng với Bên liên quan trong năm - Công ty con: Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng - Công ty đã áp dụng chính sách giá giao dịch thông thường, không có khác biệt nào đáng kể trong các giao dịch mua bán nguyên vật liệu, hàng hóa với Công ty con, đảm bảo hợp lý tỷ suất lợi nhuận cho Công ty để tiếp tục tái đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông Công ty. Các chính sách liên quan đến giá mua - giá bán đã được Ban Giám đốc Công ty xác định một cách cẩn trọng và phù hợp cho giai đoạn từ cuối năm 2018 và trong năm 2019 - là giai đoạn chính diễn ra quá trình tái cấu trúc, sắp xếp lại hoạt động sản xuất kinh doanh, chuyển đổi mô hình hoạt động tập trung vào kinh doanh thương mại, chuyển hoạt động sản xuất sang Công ty con

Danh sách các bên liên quan của Công ty đã được công bố chi tiết như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản Lý Tài sản PCLAND	Cùng Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Đỗ Mạnh Tú	Bố của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Thi	Mẹ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tại ngày 31/12/2019, Công ty có số dư với các bên liên quan như sau:

Phải thu khách hàng

Tên đối tượng	Số dư 01/01/2019	Phải thu trong năm	Đã thu trong năm	Số dư 31/12/2019
Công ty CP Vật liệu Hải Đăng	107.114.000	30.163.870.819	23.647.484.229	6.623.500.590
Công ty CP Đầu tư và Quản Lý Tài sản PCLAND	-	55.116.377	55.116.377	-
Tổng Cộng	107.114.000	30.218.987.196	23.702.600.606	6.623.500.590

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Trả trước người bán

Tên đối tượng	Số dư 01/01/2019	Phải trả trong năm	Đã trả trong năm	Số dư 31/12/2019
Công ty CP Vật liệu Hải Đăng	6.262.111.256	6.262.111.256	-	-
Ông Đỗ Thanh Hải	720.000.000	720.000.000	-	-
Tổng Cộng	6.982.111.256	6.982.111.256	-	-

Phải trả người bán

Tên đối tượng	Số dư 01/01/2019	Phải trả trong năm	Đã trả trong năm	Số dư 31/12/2019
Công ty CP Vật liệu Hải Đăng	-	84.560.776.696	81.699.256.002	2.861.520.694
Ông Đỗ Mạnh Tú	-	65.000.000	65.000.000	-
Tổng Cộng	-	84.625.776.696	81.764.256.002	2.861.520.694

Vay và nợ thuê tài chính

Tên đối tượng	Số dư 01/01/2019	Phải trả trong năm	Đã trả trong năm	Số dư 31/12/2019
Nguyễn Thị Thi	32.937.900.000	-	32.937.900.000	-
Tổng Cộng	32.937.900.000	-	32.937.900.000	-

Trong năm, Công ty có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu đã cung cấp	19.261.660.178	14.433.464.450
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	19.211.554.381	14.433.464.450
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản Lý Tài sản PCLAND	50.105.797	-
Thu nhập khác	7.997.860.000	564.078.000
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	7.997.860.000	564.078.000
Giá vốn đã bán	18.684.684.637	14.473.619.278
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	18.684.684.637	14.473.619.278
Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.308.993.517	14.890.915.248
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	9.308.993.517	14.890.915.248
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản Lý Tài sản PCLAND	55.116.377	-
Mua hàng hóa, dịch vụ trong năm	82.329.569.995	22.274.574.386
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	82.264.569.997	21.484.574.386
Ông Đỗ Thanh Hải	-	720.000.000
Ông Đỗ Mạnh Tú	64.999.998	70.000.000
Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong năm	67.659.280.290	40.978.473.685
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	67.594.280.290	39.468.473.685
Ông Đỗ Thanh Hải	-	1.440.000.000
Ông Đỗ Mạnh Tú	65.000.000	70.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Giám đốc trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Giám đốc	349.001.954	72.140.000

Giao dịch quan trọng với bên liên quan

- (i) Doanh thu bán hàng cho Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng là doanh thu bán nguyên vật liệu các loại để sản xuất nhựa với tổng số tiền 19.211.554.381 VND (chiếm 16,7% tổng doanh thu trong năm của Công ty), lãi gộp 526.869.744 VND, tỷ lệ lãi gộp là 2,74%.

Thu nhập khác với Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng là thu nhập thanh lý nhà xưởng, hệ thống sản xuất tấm nhựa, máy in phun, cân bàn... với số tiền là 7.997.860.000 VND, lãi gộp là 87.323.899 đồng.

- (ii) Mua hàng hóa từ Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng bao gồm thành phẩm tấm nhựa và nguyên liệu tấm bề mặt các loại,... để sản xuất tấm nhựa theo các hợp đồng mua hàng trong kỳ với tổng số tiền 81.769.144.451 VND (chiếm 99,69% tổng giá trị hàng mua trong năm của Công ty)

- (iii) Các giao dịch quan trọng này được xác định theo các chính sách kinh doanh thông thường của Công ty, không có khác biệt nào được thiết lập riêng cho các giao dịch này.

25. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm	381.799.998	341.600.000

Ghi chú:

- (i) Hợp đồng thuê mặt bằng số 711/2015/P-ĐMT ngày 11/07/2019 giữa Công ty và Ông Đỗ Mạnh Tú, với diện tích đất thuê là nhà tầng có cửa cuốn tại Thôn Cầu Liêu, Xã Thạch Xá, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội. Thời hạn thuê từ ngày 11/07/2019 đến ngày 31/12/2024. Đơn giá thuê là 6.000.000 VND/tháng từ ngày 01/08/2019.

Hợp đồng thuê mặt bằng số 3112/2017/PHCM-ĐTY ngày 31/12/2017 giữa Công ty và Bà Đỗ Thanh Yến, với diện tích đất thuê là phòng trống có cửa, kính bảo vệ trước mặt, hệ thống đèn, quạt, thiết bị vệ sinh, đồng hồ nước tại căn nhà số 413, Đường Lê Trọng Tấn, Phường Sơn Kỳ, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 5 năm từ ngày 01/01/2018, đơn giá thuê là 8.000.000 VND/tháng (tính từ sau 30 ngày kể từ ngày bàn giao).

Hợp đồng thuê mặt bằng số 2809/2016/PĐN-NC ngày 28/09/2016 và Biên bản sửa đổi hợp đồng ngày 31 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty và Ông Nguyễn Đông, với diện tích đất thuê là căn nhà số 374, Đường Tôn Đức Thắng, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng. Thời hạn thuê là 5 năm từ ngày 30/09/2016, đơn giá thuê là 7.600.000 VND/tháng (tính từ sau 30 ngày kể từ ngày bàn giao).

Hợp đồng thuê mặt bằng số 412/2016/PHCM-NVN ngày 04/12/2016 giữa Công ty và Ông Nguyễn Văn Nghĩa, với diện tích đất thuê là căn nhà số 20/48, Đường Bờ Đào Tân Thắng, Phường Kỳ Sơn, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 5 năm từ ngày 05/12/2016, đơn giá thuê là 8.300.000 VND/tháng (tính từ sau 30 ngày kể từ ngày bàn giao).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu của kỳ báo cáo trước được trình bày lại cho mục đích so sánh do Công ty thay đổi chế độ kế toán áp dụng từ Thông tư 133/2016/TT-BTC sang Thông tư 200/2014/TT-BTC, cụ thể như sau:

Thông tư 133/2016/TT/BTC		Thông tư 200/2014/TT/BTC		
Chỉ tiêu	Mã số	Chỉ tiêu	Mã số	Số tiền
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
Tài sản				
Tài sản dài hạn khác	260	Tài sản		
		Chi phí trả trước dài hạn	261	512.696.115
Nguồn vốn				
Phải trả ngắn hạn khác	415	Nguồn vốn		
		Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17.595.854
		Phải trả ngắn hạn khác	319	993.572.664
BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH				
Chi phí quản lý kinh doanh	24	Chi phí bán hàng	25	1.029.864.602
		Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1.605.130.383



Đào Thị Kim Oanh
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 06 năm 2020

Trần Thị Vui
Kế toán trưởng

Vũ Thị Kiều Vân
Người lập biểu